

IMPERATOR 50EC

Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/12/06 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00086011269 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/06

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : IMPERATOR 50EC

Mã thiết kế : A25149A

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

Địa chỉ : Số 16, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình,
Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Điện thoại : +84-251-8826026

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +(028)37756288

Telefax : +84-251-8826016

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Thuốc diệt côn trùng

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Chất lỏng dễ cháy : Cấp 3

Độc cấp tính (Đường miệng) : Cấp 4

Độc cấp tính (Hít phải) : Cấp 2

Độc cấp tính (Da) : Cấp 5

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 1

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 1

Các yếu tố nhãn theo GHS

IMPERATOR 50EC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/12/06	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00086011269	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/06
------------------	--------------------------------------------------------	-------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo :

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm :

H226 Hơi và chất lỏng dễ cháy.
H302 Có hại nếu nuốt phải.
H313 Có thể có hại khi tiếp xúc với da.
H330 Chết nếu hít phải.
H410 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:

P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. -
Không hút thuốc.
P233 Đóng chặt thùng chứa.
P240 Tiếp đất và kết nối tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.
P241 Sử dụng các thiết bị điện/ thông gió/ chiếu sáng/ chống cháy nổ.
P242 Sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa điện.
P243 Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.
P260 Không hít hơi sương hoặc hơi.
P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
P271 Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc ở khu vực có sự thông thoáng tốt.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.
P284 Mang thiết bị bảo vệ hô hấp.

Biện pháp ứng phó:

P301 + P312 + P330 NẾU NUỐT PHẢI: Gọi tới TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sỹ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.
P303 + P361 + P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả các quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước.
P304 + P340 + P310 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Nhanh chóng gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và xin tư vấn.
P312 Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.
P370 + P378 Trong trường hợp cháy: Sử dụng cát, hóa chất khô hoặc bột chịu cồn để dập tắt.
P391 Thu hồi chất tràn đổ.

IMPERATOR 50EC

Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/12/06 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00086011269 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/06

Lưu trữ:

P403 + P233 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng chứa luôn đóng kín.

P403 + P235 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ sản phẩm ở nhiệt độ mát.

P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
permethrin	52645-53-1	>= 40 -< 60
solvent naphtha (petroleum), highly arom.	64742-94-5	>= 7 -< 10

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VÀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Có cầm theo chai/bao thuốc, nhãn hoặc phiếu thông tin an toàn khi gọi điện số khẩn cấp, trung tâm kiểm soát độc chất hoặc chuyên gia y tế, hay đang tiến hành cứu chữa
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Đưa nạn nhân ra chỗ không khí trong lành.
Nếu thấy thở ngắt quãng hoặc ngừng thở, hãy tiến hành hô hấp nhân tạo.
Giữ ấm và để bệnh nhân nghỉ ngơi.
Gọi bác sĩ hoặc trung tâm chống độc ngay lập tức.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Ngay lập tức cởi bỏ quần áo bị nhiễm.
Ngay lập tức rửa sạch bằng thật nhiều nước.
Liên hệ với bác sĩ nếu hiện tượng kích ứng da kéo dài.
Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Ngay lập tức rửa bằng thật nhiều nước, và cả các mí mắt, trong ít nhất 15 phút.
Gỡ bỏ kính áp tròng.
Phải nhanh chóng tìm sự chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Nếu nuốt phải, ngay lập tức phải xin ý kiến của thầy thuốc và đưa thiết bị chứa đựng hoặc nhãn của nó cho thầy thuốc xem.
KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Không đặc hiệu
Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.
Có hại nếu nuốt phải.
Có thể có hại khi tiếp xúc với da.
Chết nếu hít phải.
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Hiện không có thuốc giải độc đặc hiệu.

IMPERATOR 50EC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/12/06	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00086011269	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/06
------------------	--------------------------------------------------------	-------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------

Điều trị theo triệu trứng.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Phương tiện chữa cháy - Các đám cháy nhỏ
Dùng bụi nước, bột chịu cồn, hóa chất khô hoặc cacbon dioxit.
Phương tiện chữa cháy-Các đám cháy lớn
Bột chịu cồn.
- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Không sử dụng dòng nước liên tục bởi vì có thể làm lan rộng đám cháy.
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Vì sản phẩm có chứa các thành phần hữu cơ dễ cháy, nếu đốt sẽ phát sinh khói đen dày đặc có chứa các sản phẩm cháy nguy hại (xem phần 10).
Tiếp xúc với các sản phẩm phân hủy có thể là một nguy cơ đối với sức khỏe.
Ngọn lửa có thể cháy lùi qua một khoảng cách đáng kể.
- Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Carbon ôxit
Nitơ ôxit (NOx)
Hợp chất clo
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
Làm mát các bình chứa kín trong vụ cháy bằng bụi nước.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Mặc quần áo bảo hộ đầy đủ và mặt nạ dưỡng khí.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Tham khảo các biện pháp bảo hộ liệt kê trong phần 7 và 8.
Giữ mọi người tránh xa khỏi khu vực hoá chất bị tràn đổ/rò rỉ và tránh hướng gió thổi.
Lưu ý hơi tích tụ có thể tạo thành các đám dễ nổ. Hơi có thể tích tụ tại nơi ẩm thấp.
Di chuyển tất cả các nguồn gây cháy.
Chú ý tới ngọn lửa cháy lùi.
- Các cảnh báo về môi trường : Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn.
Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh.
Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Kiểm chế chất tràn đổ, sau đó thu gom bằng vật liệu thấm không cháy (e.g. cát, đất, đất diatomit, chất khoáng) và giữ trong thùng chứa để tiêu hủy theo quy định nhà nước/địa phương (xem phần 13).

IMPERATOR 50EC

Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/12/06 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00086011269 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/06

Lau rửa thật kỹ bề mặt bị nhiễm bẩn.
Lau rửa bằng các chất tẩy rửa. Tránh dùng dung môi.
Giữ lại và tiêu huỷ nước rửa bị nhiễm bẩn.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng.
Chỉ sử dụng trong khu vực có thiết bị chống lửa.
Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Đóng kín các bình chứa và để tại nơi khô ráo, mát mẻ và thông gió tốt.
Để xa tầm tay trẻ em.
Để xa những vật liệu dễ cháy.
Để trong khu vực có vòi nước cứu hoả.
Để xa thức ăn, đồ uống và thức ăn gia súc.
Không hút thuốc.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN**Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc**

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
permethrin	52645-53-1	TWA	5 mg/m ³	Syngenta
solvent naphtha (petroleum), highly arom.	64742-94-5	TWA	8 ppm 50 mg/m ³	Nhà cung cấp
		TWA	200 mg/m ³ (tổng hydrocarbon bay hơi)	ACGIH

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : Cô lập và / hoặc cách ly là biện pháp bảo vệ kỹ thuật đáng tin cậy nhất nếu không thể loại bỏ sự phơi nhiễm.

Mức độ của các biện pháp bảo vệ phụ thuộc vào mức độ rủi ro thực tế khi sử dụng.

Giữ nồng độ không khí thấp hơn tiêu chuẩn phơi nhiễm nghề nghiệp.
Khi cần thiết, hãy tìm tư vấn thêm về vệ sinh lao động.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

- Bảo vệ hô hấp : Khi công nhân làm việc trong điều kiện nồng độ vượt quá giới hạn phơi nhiễm thì họ phải đeo mặt nạ phòng độc đủ tiêu chuẩn.
Thiết bị hô hấp thích hợp:
Mặt nạ có màng che nửa mặt.
Loại bộ lọc cho mặt nạ phải phù hợp với nồng độ ô nhiễm tối đa (khí/hơi/aerosol/hạt) có thể xuất hiện khi thao tác với sản phẩm.

IMPERATOR 50EC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/12/06	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00086011269	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/06
------------------	--------------------------------------------------------	-------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------

Bảo vệ tay	phẩm. Nếu vượt quá nồng độ này phải dùng bộ dụng cụ thở cá nhân..
Vật liệu	: Cao su nitrile
Thời gian thấm	: > 480 min
Độ dày của găng	: 0,5 mm
Ghi chú	: Đeo găng tay bảo hộ. Việc lựa chọn găng tay thích hợp không chỉ phụ thuộc vào vật liệu mà còn vào các đặc trưng chất lượng khác cũng như khác biệt giữa các nhà sản xuất. Xem các hướng dẫn về tính thấm và thời gian thấm do nhà cung cấp găng tay đưa ra. Cũng cần xem xét các điều kiện sử dụng sản phẩm như nguy cơ bị cắt, mài mòn, và thời gian tiếp xúc. Thời gian hỏng trên hết phụ thuộc vào chất liệu, độ dày và loại găng tay và do đó phải được đo trong từng trường hợp. Cần loại bỏ và thay thế găng tay nếu thấy bất kỳ dấu hiệu xuống cấp hoặc thủng nào.
Bảo vệ mắt	: Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.
Bảo vệ da và cơ thể	: Chọn đồ bảo hộ theo loại, nồng độ và lượng các chất nguy hiểm theo từng nơi làm việc cụ thể. Cởi và rửa quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Mặc khi thích hợp: Quần áo không thấm.
Các biện pháp bảo vệ	: Việc sử dụng biện pháp kỹ thuật nên luôn được ưu tiên hơn là sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân
	Khi lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân, hãy tìm sự tư vấn chuyên môn phù hợp.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	: thể lỏng
Màu sắc	: màu vàng nhạt
Mùi đặc trưng	: đặc tính
Ngưỡng mùi	: chưa có dữ liệu
Độ pH	: 5,35
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	: chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu	: chưa có dữ liệu
Điểm cháy	: > 45 °C
Tỷ lệ hóa hơi	: chưa có dữ liệu

IMPERATOR 50EC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/12/06	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00086011269	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/06
------------------	--------------------------------------------------------	-------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------

Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu
Khối lượng riêng	:	1,0355 g/cm ³
Độ hòa tan		
Độ hòa tan trong nước	:	có thể chuyển thành thể nhũ tương
Độ hòa tan trong các dung môi khác	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n- octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt		
Độ nhớt, động học	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính ôxy hóa	:	chưa có dữ liệu
Đặc điểm hạt		
Kích thước hạt	:	chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Không dễ dự đoán.
Tính ổn định	:	Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Phản ứng nguy hiểm	:	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Các điều kiện cần tránh	:	Không phân hủy nếu được sử dụng như chỉ dẫn.
Vật liệu không tương thích	:	Được biết là chưa xảy ra.
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

IMPERATOR 50EC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/12/06	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00086011269	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/06
------------------	--------------------------------------------------------	-------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Đường tiếp xúc : Nuốt phải
Hít phải
Tiếp xúc với da
Tiếp xúc với mắt

Độc cấp tính

Có hại nếu nuốt phải.
Có thể có hại khi tiếp xúc với da.
Chết nếu hít phải.

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): > 300 - 2.000 mg/kg
Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột): > 0,45 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Đánh giá: Chất/hỗn hợp không có độc tính đối với đường hô hấp như được xác định trong quy định về các mặt hàng nguy hiểm

Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột): > 2.000 mg/kg

Thành phần:

permethrin:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): 806 mg/kg
Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): 2,3 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột, Đực và cái): > 2.000 mg/kg
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính qua da

Ăn mòn/kích ứng da

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Sản phẩm:

Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng da

Thành phần:

permethrin:

Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng da

IMPERATOR 50EC

Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/12/06 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00086011269 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/06

Tồn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Sản phẩm:

Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng mắt

Thành phần:**permethrin:**

Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng mắt

Kích thích hô hấp hoặc da**Nhạy cảm với da**

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Nhạy cảm với hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Sản phẩm:

Loài : Chuột lang
Kết quả : Không gây kích ứng da.

Thành phần:**permethrin:**

Loài : Chuột lang
Kết quả : Có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với da.

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Thành phần:**permethrin:**

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen) - Đánh giá : Thử nghiệm trên động vật không cho thấy ảnh hưởng gây đột biến nào.

Tác nhân gây ung thư

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Thành phần:**permethrin:**

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Không có bằng chứng về đặc tính gây ung thư trong các nghiên cứu trên động vật

IMPERATOR 50EC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/12/06	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00086011269	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/06
------------------	--------------------------------------------------------	-------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------

Độc tính sinh sản

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Thành phần:

permethrin:

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Không có độc tính với sinh sản

STOT - Tiếp xúc một lần

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Thành phần:

permethrin:

Đánh giá : Chất hoặc chất độc không được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm nhiều lần.

Độc tính hô hấp

Không phân loại do thiếu dữ liệu.

Thành phần:

solvent naphtha (petroleum), highly arom.:

Có thể chết nếu nuốt hoặc hít phải.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Sản phẩm:

Độc đối với cá : LC50 (Poecilia reticulata (cá guppy)): 0,0089 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

LC50 (Cyprinus carpio (cá chép)): 0,145 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,020 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 24 h

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : ErC50 (Desmodesmus subspicatus (tảo lục)): > 0,011 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h

Thành phần:

permethrin:

Độc đối với cá : LC50 (Lepomis macrochirus (Cá thái dương bluegill)): 0,0009 mg/l

IMPERATOR 50EC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/12/06	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00086011269	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/06
------------------	--------------------------------------------------------	-------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------

Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,0006 mg/l
và các động vật không
xương sống thủy sinh khác
Thời gian phơi nhiễm: 48 h

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính : 1.000
đối với môi trường thủy sinh)

Nhân tố M (Nguy hại mãn : 1.000
tính đối với môi trường thủy
sinh)

solvent naphtha (petroleum), highly arom.:

Đánh giá độc tố sinh thái học

Nguy hại mãn tính đối với : Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
môi trường thủy sinh

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Thành phần:

permethrin:

Ổn định trong nước : Chu kỳ bán rã của việc phân hủy: 3 d
Ghi chú: Sản phẩm này không bền.

Khả năng tích lũy sinh học

Thành phần:

permethrin:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: tích lũy sinh học

Độ linh động trong đất

Thành phần:

permethrin:

Phân bố trong các môi : Ghi chú: bất động
trường khác nhau

Ổn định trong đất : Thời gian tan rã: < 38 d
Tỷ lệ phần trăm tan rã: 50 % (DT50 (Chu kỳ bán rã))
Ghi chú: Sản phẩm này không bền.

Các tác hại khác

Thành phần:

permethrin:

Kết quả đánh giá PBT và : Chất không khó phân hủy, tích lũy sinh học và độc hại (PBT).
vPvB : Chất không khó phân hủy và rất tích lũy sinh học (vPvB).

IMPERATOR 50EC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/12/06	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00086011269	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/06
------------------	--------------------------------------------------------	-------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn	: Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải Trong trường hợp có thể, việc tái chế được ưu tiên hơn so với việc loại bỏ hoặc thiêu đốt. Nếu việc tái chế là không khả thi, hãy thải loại phù hợp với các quy định địa phương.
Bao bì nhiễm độc	: Loại bỏ các thành phần còn lại. Rửa thùng chứa ba lần. Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN	: UN 1993
Tên vận chuyển thích hợp	: FLAMMABLE LIQUID, N.O.S. (SOLVENT NAPHTHA)
Hạng	: 3
Nhóm hàng	: III
Nhãn	: 3
Nguy hại với môi trường	: có

IATA-DGR

Số UN/ID	: UN 1993
Tên vận chuyển thích hợp	: Flammable liquid, n.o.s. (SOLVENT NAPHTHA)
Hạng	: 3
Nhóm hàng	: III
Nhãn	: Flammable Liquids
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay)	: 366
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay)	: 355

Mã IMDG

Số hiệu UN	: UN 1993
Tên vận chuyển thích hợp	: FLAMMABLE LIQUID, N.O.S. (SOLVENT NAPHTHA)
Hạng	: 3
Nhóm hàng	: III
Nhãn	: 3
Mã EmS	: F-E, <u>S-E</u>
Chất ô nhiễm đại dương	: có

IMPERATOR 50EC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/12/06	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00086011269	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/06
------------------	--------------------------------------------------------	-------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 2024/12/06
gần nhất
Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ACGIH : Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
Syngenta : Syngenta Các giới hạn tiếp xúc trong nghề nghiệp

ACGIH / TWA : 8 giờ, trung bình tính theo thời gian
Syngenta / TWA : Trung bình về thời gian

AIRC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR -

IMPERATOR 50EC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/12/06	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00086011269	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/06
------------------	--------------------------------------------------------	-------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------

(Định lượng) Mọi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

VN / VI